

Số:04/2018/QĐST - HNGĐ

Yên Mô, ngày 10 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 99/2017/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị S**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố B 2, thị trấn Y, huyện Y, Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh **Mai Văn N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố B 2, thị trấn Y, huyện Y, Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vũ Thị S và anh Mai Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Vũ Thị S và anh Mai Văn N đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Mai Thị Thúy T1, sinh ngày 04/3/2012, cháu Mai Phương T, sinh ngày 19/01/2016, chị S và anh N thỏa thuận khi ly hôn giao cháu T1 và cháu T cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị S với mức mỗi tháng mỗi cháu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu T1 và cháu T thành niên.

Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu T1 và cháu T được chung sống với chị S và anh N có quyền được thăm nom chăm sóc con chung. Chị S và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị S và anh Mai Văn N đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị Vũ Thị S và anh Mai Văn N thống nhất vợ chồng tự giải quyết với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị S và anh Mai Văn N thỏa thuận để chị S nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chị S nộp theo quy định là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số án phí chị S phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001924 ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Phạm Bằng Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện Yên Mô (3);
- THADS huyện Yên Mô (1);
- UBND xã Yên Thịnh;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1); Lưu VP (1).